

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
3	Đường đất trường Mẫu giáo Cần Đước (2 bên)	KV1-VT2	Giáp Quốc lộ 1A	Vào 500 m	520
		KV1-VT3	Từ trên 500 m	Đến 700 m	370
4	Lộ Nhựa Khu 2	KV1-VT1	Quốc lộ 1A cũ (Trạm cấp nước)	Đến đường đan thứ I	1.100
		KV1-VT2	Đoạn còn lại	Đến cống khu 1	700
5	Đường đan khu 3	KV1-VT2	Quốc lộ 1A	Đến hết đất hăng nước đá Trung Tín	710
6	Đường đất khu 3	KV2-VT1	Giáp Lộ đan khu 3	Đến cống Rạch Sên	460
7	Đường Khu 4 xuống Phà Chàng Ghé	KV1-VT3	Quốc lộ 1A	Đến cống 4 Hon	510
		KV2-VT1	Cống 4 Hon	Đến ngã 4 khu 4	470
		KV2-VT2	Đoạn còn lại đến phà Chàng Ghé		420
8	Đường Rạch Bà Chuội	KV1-VT3	Suốt đường (đường loại 3)		550
9	Đường vào khu căn cứ Tỉnh Ủy	KV1-VT2	Suốt tuyến		850
10	Khu vực chợ Thanh Phú	ĐB	Khu trung tâm chợ		3.500
11	Quốc lộ 1A (Cũ)	KV1-VT2	Hết đất Ngân hàng NN&PTNT	Sông Nhu Gia	2.500
		KV1-VT1	Sông Nhu Gia	Giáp Đường vào Khu căn cứ Tỉnh Ủy	3.500
12	Quốc lộ 1A	ĐB	Cầu Cần Đước (đoạn Cầu Nhu Gia mới)	Giáp đường tỉnh 940	2.500
		KV1-VT1	Từ giáp đường 940	Qua Cống Sốc Bung 200m	1.500
		KV1-VT1	Cầu Cần Đước	Giáp ranh xã Đại Tâm	1.500
		KV1-VT2	Cách Cống Sốc Bung 200m đến ranh xã Thanh Quới		1.200
13	Đường tỉnh 940	KV2-VT1	Quốc lộ 1A	Ngã 4 Khu 4	600
		KV2-VT1	Giáp Quốc Lộ 1A (đường tỉnh 940)	Giáp Xã Lâm Kiết (Thanh Trị)	600
		KV2-VT2	Từ Ngã 4 Khu 4	Phà Chàng Ré	420
IV	Xã Thanh Quới				
1	Lộ đal vào Đay sô	KV2-VT1	Từ đầu hẻm vào 700 m		400

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m².

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
2	Lộ đan đi Bung Thum	KV2-VT1	Vào 500 m		400
3	Khu vực chợ Hòa Khanh	KV1-VT3	Giáp Quốc lộ 1A	Đến chùa Trà Cuôn	600
4	Quốc lộ 1A (Khu vực chợ Thanh Quới)	KV1-VT1	Cầu Xèo Tra	Về hướng Thanh Phú 500m	2.000
		KV1-VT2	Điểm cách cầu Xèo Tra 500m về hướng Thanh Phú	Cách cầu Lịch Trà 1000m	1.500
		KV1-VT1	Cầu Lịch Trà	Về hai phía 1000 m	2.000
		KV1-VT3	Phần còn lại		1.200
5	Huyện lộ 20	KV2-VT1	Giáp Quốc Lộ 1A	Hết đất Nhà máy nước đá Trường Hưng	400
		KV2-VT2	Giáp ranh Nhà máy nước đá Trường Hưng	Giáp ranh xã Gia Hòa 2	300
V	Xã Ngọc Tổ				
1	Đường tỉnh 936	KV2-VT1	Ranh xã Ngọc Đông	Cổng Đập Đá	400
2	Đường tỉnh 936 B	KV2-VT2	Đường đal vào cầu Miếu Lầm	Giáp ranh Hòa Tú 2	300
3	Khu Vực chợ Cổ Cò	ĐB	Khu trung tâm chợ (Giới hạn bởi: Kênh Cổng đập đá, Sông Cổ Cò, Đường đal vào Cầu Miếu Lầm, Đường 936 và 936B)		1.100
VI	Xã Ngọc Đông				
1	Đường tỉnh 936	KV2-VT1	Từ phà Dù Tho	Đến ranh xã Ngọc Tổ	400
2	Huyện Lộ 15	KV2-VT2	Ngã ba Hòa Thượng	Ranh xã Hòa Tú 1	300
VII	Xã Hòa Tú 1				
1	Huyện Lộ 15	KV2-VT2	Ranh xã Ngọc Đông	Ngã 3 Hòa Phương	300
2	Đường tỉnh 940	KV2-VT2	Ranh xã Gia Hòa 1	Ranh xã Hòa Tú 2	300
VIII	Xã Hòa Tú 2				
1	Đường tỉnh 936B	KV2-VT2	Cầu Vàm Léo	Giáp ranh xã Ngọc Tổ	300
		KV2-VT1	Trường THCS Hoà Tú 2	Cách Cầu xã 350m	500
2	Đường tỉnh 940 (đường tỉnh 04)	KV2-VT2	Giáp ranh Hoà Tú 1	Cầu Hòa Phú	400
		KV2-VT1	Cầu Hòa Phú	Sông Cổ Cò	500
3	Lộ đal Khu vực chợ Dương Kiển	KV1-VT1	Trạm y tế xã Hòa Tú 2	Đường tỉnh 940	700

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
4	Lộ Đal (qua cầu chợ)	KV2-VT3	Cầu chợ	Hết ranh đất chùa Bửu Linh	200
5	Lộ Đal (Hòa Nhờ A)	KV2-VT3	Đường tỉnh 940	Kênh Hoà Nhờ	200
IX	Xã Gia Hòa 1				
1	Đường tỉnh 940 (đường tỉnh 04)	KV2-VT3	Phà Chàng Ghé	Ranh xã Hòa Tú 1	400
2	Đường huyện 18	KV2-VT3	Suốt tuyến		300
X	Xã Gia Hòa 2				
1	Khu vực trung tâm xã Gia Hòa 2	KV1-VT1	Cầu xã Gia Hòa 2	Hết đất trạm Y tế xã	400
2	Đường huyện 18	KV2-VT2	Hết đất UBND xã Gia Hoà 2	Đến giáp ranh Gia Hoà 1	300
3	Huyện lộ 20	KV2-VT2	Cầu Cà Lăm	Giáp ranh Bạc Liêu	300
XI	Xã Tham Đôn				
1	Huyện lộ 14	KV1-VT3	Ranh thị trấn Mỹ Xuyên	Ngã 3 Vũng Đùng	500
		KV2-VT2	Ngã 3 Vũng Đùng	Hết đất Chùa Tắc Gồng	300
2	Đường tỉnh 936	KV2-VT1	Hết đất UBND xã Tham Đôn	Xuống Phà Dù Tho	400
		KV1-VT3	Ngã 3 Vũng Đùng	Giáp ranh xã Đại Tâm	500
3	Lộ Cần Giờ 1	KV2 - VT1	Giáp đường 936	Ranh TP Sóc Trăng	400
C	HUYỆN MỸ TÚ				
I	Thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa				
1	Trần Hưng Đạo	8	Ranh xã Long Hưng	Kênh 3 Vọi	400
		7	Kênh 3 Vọi	Hết ranh đất nhà 6 Cao	600
		5	Giáp ranh đất nhà 6 Cao	Kênh Ông Quân	900
		4	Kênh Ông Quân	Đập Chín Lờ	1.500
		2	Đập Chín Lờ	Hết ranh UBND thị trấn	3.000
		1	Giáp ranh UBND thị trấn	Cầu 3 Thắng	5.000
		3	Cầu 3 Thắng	Đập 6 Giúp	2.000
		6	Đập 6 Giúp	Ranh xã Mỹ Tú	700

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
2	Đ. Phạm Ngũ Lão	1	Phía trái nhà lòng chợ		2.700
3	Đ. Nguyễn Đình Chiểu	1	Phía phải nhà lòng chợ		2.300
4	Đ. Lý Thường Kiệt	1	Đ. Hùng Vương	Hết ranh đất nhà bà Bé	1.350
5	Đ. Hùng Vương	3	Đường Điện Biên Phủ	Đường Trần Phú	3.000
		1	Đ. Trần Hưng Đạo	Đ. Quang Trung (ĐT 940)	6.000
		2	Đ. Quang Trung (ĐT 940)	Cầu 1/5 (huyện đội)	4.000
6	Đường Lê Thánh Tông và Lê Thánh Tông nối dài	1	Đ. Trần Hưng Đạo	Đ. Hùng Vương và Đ. Quang Trung	3.000
7	Đường Ngô Quyền	1	Cầu 3 Thắng	Cầu Đê Mỹ Phước	2.000
8	Đường F12	1	Cầu 3 Thắng	Nhà lòng chợ mới	1.700
9	Đường huyện 84 (ĐH 27+30)	1	Cầu 1/5 (huyện đội)	Hết ranh cây xăng ông Đôi	500
		2	Giáp ranh cây xăng ông Đôi	Cầu Béc Trang	350
		3	Cầu Béc Trang	Giáp ranh xã Mỹ Tú	200
10	Đường Võ Thị Sáu	1	Cầu Bệnh Viện	Đê Bé Bùi	300
11	Đường Trần Phú	3	Ranh xã Long Hưng	Cầu nhà trẻ	300
		1	Cầu nhà trẻ	Cầu bệnh viện	3.000
		2	Cầu Bệnh viện	Kênh Út Biện	600
		3	Kênh Út Biện	Ranh xã Mỹ Tú	300
12	Đường Đồng Khởi	1	Cầu nhà trẻ	Ranh xã Mỹ Hương	300
14	Đường 3/2	1	Đường Trần Phú	Đường Điện Biên Phủ	2.000
15	Đường 30/4	1	Đường Trần Phú	Đường Điện Biên Phủ	1.500
16	Đ. Huỳnh Văn Triệu	1	Đường Trần Phú	Đường Điện Biên Phủ	1.000
17	Đường Lý Tự Trọng	1	Đường 3/2	Đường 30/4	1.500
18	Đường Quang Trung (Đ. Tỉnh 940)	4	Ranh xã Long Hưng	Cầu Sáu Xôi	1.200
		2	Cầu Sáu Xôi	Kênh hậu Huyện Đội	4.000
		1	Kênh hậu Huyện Đội	Cầu Đê Mỹ Phước	6.000
		2	Cầu đê Mỹ Phước	Hết ranh đất bà Hân	4.000
		3	Giáp ranh đất bà Hân	Ranh xã Mỹ Tú (Cầu số 1)	1.500

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
19	Đường Điện Biên Phủ	1	Đường 30/4	Đường 3/2	2.000
20	Đường tỉnh 939	1	Đ. Quang Trung (ĐT 940)	Cầu kênh 1/5	3.000
		2	Cầu kênh 1/5	Kênh Ba Hữu	800
		3	Kênh Ba Hữu	Ranh xã Mỹ Tú	500
21	Đường trung tâm xã Long Hưng (Đường C2)	1	Đ. Đồng Khởi	Ranh xã Long Hưng	300
22	Đường A1	1	Ranh xã Mỹ Hương	Đ.trung tâm xã Long Hưng	300
23	Lộ Dal	1	Tuyến còn lại		150
II	Xã Mỹ Hương				
1	Đường Chợ Cá	ĐB	Đường cầu Xẻo Gừa vào chợ và 2 dãy bên nhà lồng chợ		2.000
2	Đường vào sau Chợ mới	KV1-VT1	Lộ mới từ đường tỉnh 939	Giáp đường lộ cũ(vào chợ)	1.500
3	Đường tỉnh 939.	KV2-VT2	Giáp ranh xã An Ninh	Đường vào Chợ mới	600
		KV1-VT1	Đường vào Chợ mới	Cầu Xẻo Gừa	1.500
		KV1-VT2	Cầu Xẻo Gừa	Hết ranh đất ông Tuấn	1.000
		KV1-VT3	Giáp Ranh đất ông Tuấn	Cầu Bà Lui	900
		KV2-VT2	Cầu Bà Lui	Kênh Ba Anh	600
		KV2-VT1	Kênh Ba Anh	Hết ranh đất nhà thầy Vĩnh	750
		KV1-VT2	Giáp ranh đất Thầy Vĩnh	Giáp ranh TT Huỳnh Hữu Nghĩa	1.000
4	Đường tỉnh 939B.	KV2-VT1	Giáp ranh xã Thiện Mỹ	Giáp ranh TT-HHN	500
5	Đường trung tâm xã Long Hưng (Đường A1)	KV2- VT2	Đường tỉnh 939B	Kinh rau Cần	250
6	Lộ Đal	KV1-VT3	Cầu Xẻo Gừa	Trường mẫu giáo (Xóm Lớn).	700
		KV1-VT3	Cầu Xẻo Gừa	Cầu ông Tám Bầu	700
		KV1-VT1	Ủy ban nhân dân xã cũ	Kho phân 6 Địa	1.000
		KV1-VT2	Giáp ranh chợ Xẻo Gừa	Hết ranh đất bà Trịnh Ngọc Ba	800
		KV1-VT3	Giáp cổng ranh chợ Xẻo Gừa	Hết ranh đất Trại cửa ông Trần Văn Vạng	700
		KV2-VT3	Các tuyến còn lại		150

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
III	Xã Mỹ Phước				
1	Đường Huyện 82 (ĐH25)	KV1-VT2	Kinh số 3 (Ranh xã Mỹ Thuận)	Trạm Y Tế	300
		KV1-VT1	Trạm Y Tế	Cầu 3 Trí	400
		KV1-VT2	Cầu 3 Trí	Ranh huyện Ngã 5	300
2	Đường huyện 84 (ĐH 27+30).	KV2-VT3	Suốt tuyến		150
3	Đường Huyện 81 (trung tâm xã Hưng Phú)	KV2-VT2	Đường huyện 84	Ranh xã Hưng Phú	200
4	Đường tỉnh 939	KV2-VT3	Suốt tuyến		140
5	Khu vực chợ	KV1-VT1	Các lộ bên dãy nhà lồng chợ		400
6	Đường Bắc Quản lộ Nhu Gia	KV2-VT2	Suốt tuyến		200
7	Đường Vào Khu Căn Cứ	KV2-VT2	Đường Huyện 82	Khu căn cứ	200
8	Đường Đal Lợi A	KV2-VT3	Đường Huyện 82	Kênh 3 Trung	150
9	Đường Đal Lợi B	KV2-VT3	Đường Huyện 82	Kênh Xóm Tiệm	160
10	Đường Đal Trường A - Trường B	KV2-VT3	Kênh 7 Xáng	Kênh U Quên	150
11	Đường Đal Thới B	KV2-VT3	Đường Huyện 82	Giáp ranh Huyện Ngã 5	150
12	Đường Đal	KV2-VT3	Các tuyến còn lại		150
IV	Xã Mỹ Thuận				
1	Đường Tỉnh 938.	KV1-VT2	Ranh xã Thuận Hưng	Hết ranh đất Trạm cấp nước (Tam Sốc A)	280
		KV1-VT1	Giáp trạm cấp nước (Tam sóc A)	Sông Nhu Gia, và Cầu Mỹ Phước	360
2	Đường Tỉnh 940.	KV1-VT1	Ranh xã Mỹ Tú	Cầu Cái Trầu mới	400
		KV1-VT2	Cầu Cái Trầu mới	Ranh huyện Thạnh Trị	250
3	Đường Huyện 82 (ĐH 25)	KV2-VT1	Đường tỉnh 940	Ranh xã Mỹ Phước (Cầu kinh số 3)	250
4	Đường Huyện 87 (đường Rạch Rê)	KV2-VT2	Suốt tuyến		200
5	Đường đal Phước An	KV2-VT3	Suốt tuyến		150
6	Đường đal Phước Bình	KV2-VT3	Suốt tuyến		150

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
7	Đường đal Tam Sóc C2	KV2-VT3	Suốt tuyến		150
8	Vòng Cung đường 940 cũ & đường vào cầu Mỹ Phước	KV2-VT1	Suốt tuyến		250
9	Đường đal Tam Sóc C1	KV2-VT3	Suốt tuyến		150
10	Đường đal Tam Sóc D2	KV2-VT3	Suốt tuyến		150
11	Đường cống Lâm Trường	KV2-VT3	Suốt tuyến		160
12	Đường Đal	KV2-VT3	Các tuyến còn lại		150
V	Xã Thuận Hưng				
1	Đường Tỉnh 939.	KV1-VT1	Cầu trắng	Hết ranh đất Trạm bơm	1.000
2	Đường Tỉnh 938	KV1-VT1	Cầu trắng	Giáp ranh Cầu Trà Lây 1	700
		KV1-VT2	Cầu Trà Lây 1	Giáp ranh Kênh Tà Chum	400
		KV1-VT3	Kênh Tà Chum	Ranh xã Mỹ Thuận	280
3	Đường Huyện 88A (ĐH 31)	KV2-VT1	Cầu Đồn	Giáp ranh Cầu Ngang	250
		KV2-VT2	Cầu Ngang	Đường Tỉnh 938	200
4	Lộ đal (song song đường tỉnh 938)	KV2-VT3	Đường Huyện 88A	Giáp ranh xã Mỹ Hương	140
5	Đường huyện 88B	KV2-VT3	Đường Huyện 88A	Giáp Mỹ Hương	150
6	Lộ Đal	KV2-VT3	Giáp Mỹ Hương	Hết lộ đal Thiện Bình	150
7	Lộ Đal	KV2-VT3	Các tuyến còn lại		150
VI	Xã Long Hưng				
1	Đường Huyện 87B (ĐH 26)	6	Ranh TT Huỳnh Hữu Nghĩa	Kênh Hai Bá	200
		4	Kênh Hai Bá	Cầu Vượt Mỹ Khánh	350
		3	Cầu Vượt Mỹ Khánh	Cầu Qua UB Xã	500
		1	Cầu Qua UB Xã	Hết ranh đất ông Trà	2.000
		2	Giáp ranh đất ông Trà	Kênh 1/5	600
		5	Kênh 1/5	Kênh Đập Đá	300
2	Huyện lộ 32 (ĐH 87C)	1	Cầu Qua UB Xã	Cầu Vượt Tân Phước	400
		2	Cầu Vượt Tân Phước	Ranh huyện Châu Thành	300

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
3	Quốc lộ Quản lộ Phụng Hiệp	2	Ranh tỉnh Hậu Giang	Cầu Mỹ Khánh	600
		1	Cầu Mỹ Khánh	Cầu 1/5	800
		2	Cầu 1/5	Cầu Đập Đá	600
4	Đường Ô tô đến TT xã (ĐH 87B)	2	Ranh TT Huỳnh Hữu Nghĩa	Cầu Vượt Mỹ Khánh	250
		1	Cầu Vượt Mỹ Khánh	Cầu Qua UB Xã và nhánh đến trường THCS Long Hưng A	400
5	Đường 940	1	Giáp Quản lộ Phụng Hiệp	Cổng 3 Đẩu	600
		2	Cổng 3 Đẩu	Kênh Hai Bá	400
		3	Kênh Hai Bá	Ranh TT Huỳnh Hữu Nghĩa	350
6	Lộ Đal	1	Tuyến còn lại		150
VII	Xã Hưng Phú				
1	Đường Huyện 87B (ĐH 26)	KV2-VT2	Kênh Đập Đá	Kênh Bắc Bộ	200
		KV2-VT1	Kênh Bắc Bộ	Kênh Miếu	250
		KV2-VT2	Kênh Miếu	Kênh Chín Mùi	200
		KV2-VT1	Kênh Chín Mùi	Kênh Ka Rê	250
2	Quốc lộ Quản lộ Phụng Hiệp	KV1-VT3	Kênh Đập Đá	Kênh Bắc Bộ	450
		KV1-VT3	Kênh Bắc Bộ	Kênh Miếu	450
		KV2-VT1	Kênh Miếu	Kênh Chín Mùi	400
		KV1-VT3	Kênh Chín Mùi	Kênh Tư Lang	450
		KV1-VT1	Kênh Tư Lang	Kênh Út Cứng	550
		KV1-VT2	Kênh Út Cứng	Kênh Ka Rê	500
3	Đường Ô tô đến TT xã (ĐH 81)	KV1-VT1	Ranh UBND xã	Cầu Kênh 1000	300
		KV1-VT2	Cầu Kênh 1000	Cầu Nguyễn Việt Hồng	250
		KV1-VT3	Cầu Nguyễn Việt Hồng	Ranh xã Mỹ phước	200
4	Lộ Đal	KV2-VT3	Các tuyến còn lại		150

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
VIII	Xã Mỹ Tú				
1	Đường huyện 84 (ĐH 27+30).	KV2-VT2	Ranh thị trấn	Ranh xã Mỹ Phước	160
2	Đường Huyện 86 (ĐH 27)	KV2-VT2	Cầu 8 Lương	Giáp ranh nhà ông Hai Lích	160
		KV2-VT2	Giáp ranh nhà ông Hai Lích	Cầu Mai Văn Thời (cầu xã)	200
3	Đường Đại Nia	KV2-VT2	Kinh 6 Đen	Hết đất Trường mẫu giáo xã Mỹ Tú	200
4	Đường tỉnh 940.	KV1-VT1	Giáp ranh thị trấn	Cầu Số 2	500
		KV1-VT2	Cầu Số 2	Ranh xã Mỹ Thuận	300
5	Đường tỉnh 939	KV2-VT1	Ranh thị trấn	Ranh xã Mỹ phước	250
6	Đường Huyện 86 (Đường trung tâm xã)	KV2-VT3	Kênh Cây Bàn	Đường Tỉnh 940	150
7	Đường Đal	KV2-VT3	Các tuyến còn lại		150
IX	Xã Phú Mỹ				
1	Đường Tỉnh 939	KV1-VT3	Giáp ranh xã Đại Tâm	Cổng xà la ten	300
		KV1-VT1	Cổng xà la ten	Cầu Phú Mỹ 2	500
		KV1-VT3	Cầu Phú Mỹ 2	Hết ranh Đồn công tác CT28	300
		KV1-VT2	Hết ranh Đồn công tác CT28	Cầu Trắng	400
2	Đường huyện 89 (ĐH 12)	KV2-VT2	Ranh Đường Tỉnh 939	Kênh Phú Mỹ 1	200
		KV2-VT3	Kênh Phú Mỹ 1	Rạch Rê	160
3	Lộ đal Phú Túc	KV2-VT1	Ranh phường 2, TPST	Cổng Thủy Lợi	350
		KV2-VT2	Cổng Thủy Lợi	Hết đường Đal	300
4	Đường Đal	KV2-VT1	Hai bên nhà lồng chợ Phú Mỹ		400
		KV2-VT2	Đường tỉnh 939	Kênh 2	200
5	Đường Đal	KV2-VT3	Các tuyến còn lại		150

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
D	HUYỆN KẾ SÁCH				
I	Thị trấn Kế Sách				
1	Đường 30/4	1	Hết ranh đất nhà thầy Lén	Cầu sắt Kế Sách	6.000
2	Đường Ung Công Uẩn	1	Đầu cầu An Mỹ	Ngã tư Ung Công Uẩn	4.000
		2	Ngã Tư Ung Công Uẩn	Giáp Đường Kênh Lộ mới	2.500
3	Đường Phan Văn Hùng	2	Giáp Đường Tỉnh 932	Ngã tư Ung Công Uẩn	3.500
		1	Ngã tư Ung Công Uẩn	Cầu sắt Kế Sách	5.000
		3	Cầu sắt Kế Sách	Hết đất Trường Mẫu giáo	2.500
		4	Giáp đất Trường Mẫu giáo	Cầu Trắng	1.500
4	Đường Tỉnh 932	1	Giáp đường Phan Văn Hùng	Hết ranh đất Nghĩa trang Huyện	2.000
		2	Hết đất bà Yến (Giáp ranh đất Nghĩa trang Huyện)	Cầu NaTung	1.200
5	Đường 3/2	1	Suốt đường		4.000
6	Đường Bạch Đằng	1	Suốt đường		1.500
7	Đường Nguyễn Văn Thơ	1	Suốt đường		5.000
8	Đường Lê Văn Lợi	1	Suốt đường		1.800
9	Đ. Nguyễn Trung Tĩnh	1	Suốt đường		1.200
10	Hẻm 1 (Vũ Hùng - 6 Gầm)	1	Suốt đường		2.000
11	Hẻm 2 (Nhà Châu Văn Lâm)	1	Suốt đường		1.200
12	Hẻm 3 (bà Giàu)	1	Hết đất nhà bà Giàu	Hết đất ông Hà Ngọc Em	1.200
		1	Hết đất nhà ông Thạch Nóc	Cuối hẻm	600
13	Hẻm 4 (TT. Bồi dưỡng Chính trị)	1	Suốt đường		2.000
14	Đường Thiệu Văn Chỏi	1	Suốt đường		2.200
15	Đường Lê Lợi	1	Suốt đường		1.200

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
16	Đường Huyện 6	1	Cầu An Mỹ	Ngã Ba Bến đò	3.500
		2	Ngã 3 Bến đò	Hết đất nhà nuôi yến	2.500
		3	Giáp đất nhà nuôi yến	Cổng Mười Mốt	1.500
		4	Cổng Mười Mốt	Giáp ranh xã An Mỹ	1.000
17	Khu Dân cư - Thương mại	1	Khu A, K1, K2, I1, I2, G1, G2, E1, F1, F2		3.500
		2	Khu H1, H2, E2		3.000
		3	Khu B, C, D		2.000
18	Đ. Nguyễn Hoàng Huy	1	Suốt đường		2.000
19	Đường Lộ mới	1	Giáp đường tỉnh 932 (Phía trên đất liền)	Cổng kênh Nổi	1.200
		2	Giáp đường tỉnh 932 (Phía bên kênh)	Cổng kênh Nổi	1.000
20	Đường đal đi Kế Thành	1	Cầu kênh Nổi	Cầu Bung Tiét (Kế Thành)	900
21	Đường xuống bến đò	1	Bến đò	Giáp Đường Huyện 6	2.200
22	Lô Đal ấp An Khương	1	Hết đất ông Nam Công An	Rạch Bung Túc	350
23	Đường Đal tái định cư Phương Nam	1	Giáp Đường Ung Công Uẩn	Giáp Đường Thiều Văn Chòi	900
24	Đường Vòng cung	1	Hết đất Trường Tiểu Học Kế Sách 1	Cầu Trắng	900
25	Hẻm ông Tào Cua	1	Suốt tuyến (về 2 phía)		1.000
26	Đường đal Hải Ký	1	Hết đất ông Hai Hải	Giáp ranh ấp An Nghiệp	350
		1	Giáp đất ông Hai Hải	Hết ranh đất ông Ba Thai	350
27	Đường đal Cầu Thanh Niên về hướng Nhơn Mỹ	1	Cầu Thanh niên	Giáp ranh xã Nhơn Mỹ	350
28	Đường Đal Ấp An Thành	1	Các đường nội bộ		350
29	Đường Đal Na Tung (Ấp An Phú)	1	Giáp Tỉnh lộ 932	Cầu Út Hòa (Giáp ranh xã Kế Thành)	350
30	Đường Trường Tiểu học Kế Sách 2	1	Giáp ranh đất ông Đường (đường Phan Văn Hùng)	Giáp Đường Lộ mới	1.800
31	Đường đal ấp An Định	1	Các đường nội bộ		350
32	Đường đal nhà thầy Khen	1	Hết đất bà Kiệt	Hết đất ông Viễn	350
33	Đường đal Trường Cấp 3	1	Giáp Đường Vòng cung	Giáp ranh đất Trường cấp 3	350

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
34	Đường đal Nhà ông Tư Khánh	1	Hết ranh đất ông Tư Khánh	Hết đất ông Sơn Chôm	350
35	Đường đal nhà thầy Ut (sau Trường Mẫu giáo)	1	Giáp ranh đất ông Khôi	Cuối hẻm	350
36	Hẻm Bệnh viện	1	Giáp Đường tỉnh 932	Hết ranh đất ông Luận	350
37	Đường đal An Ninh 2 (dọc sông số 1)	1	Giáp Bến đò	Cổng Trạm Xăng dầu (giáp Huyện lộ 6)	1.000
38	Hẻm Phở Anh Thư	1	Giáp ranh đất Phở Anh Thư	Đến ranh hết đất nhà bà Sang	350
39	Hẻm nhà ông Thạch Thế Phương	1	Hết ranh đất bà Tuyết	Giáp đường Nguyễn Hoàng Huy	1.000
40	Hẻm nhà ông Khải chụp hình	1	Giáp ranh đất ông Khải	Giáp đất KDC Thương mại	1.000
41	Các hẻm tiếp giáp đường Lê Văn Lợi	1	Giáp ranh đất ông Thọ	Hết ranh đất nhà ông Cường	750
		1	Hết ranh đất bà Hạnh	Hết ranh nhà ông Mã Lắng	750
		1	Hết ranh đất nhà ông Lượng Tạp hóa	Hết ranh đất nhà cô Hoàng Lan	750
42	Các hẻm tiếp giáp đường 3/2	1	Hết ranh đất ông Hoàng Anh	Giáp ranh đất Trung tâm Dân số	750
		1	Hết ranh đất ông Việt	Hết ranh đất nhà bác sỹ Phước	750
		1	Hết đất ông Sa	Hết đất ông Dũng	750
43	Đường bên kênh Tập Rèn (đổi diện đường Phan Văn Hùng)	1	Cầu Thanh niên	Giáp Kênh Cầu Trắng	350
44	Đường nhà máy ông Châu (dọc kênh Số 1 - ấp AN1)	1	Cầu Thanh niên	Hết đất Chùa Vân Trung	350
45	Đường đal 3 ấp dọc theo Kinh Bung Tiết	1	Giáp Cầu Bung Tiết (ấp An Định)	Giáp cầu Ut Hòa (ấp An Phú)	250
46	Đường đal nhà máy ông Tài	1	Cổng Kênh Nổi	Giáp Cầu Bung Tiết	350
47	Khu tái định cư An Định	1	Các đường nội bộ		250
48	Các đường tiếp giáp KDC thương mại	1	Suốt tuyến		1.000
II	Xã Kế Thành				
1	Đường tỉnh 932C (Đường Huyện 2 cũ)	KV1-VT2	Cầu Bung Tiết	Cầu Kế Thành	550
2	Đường Đal kênh chùa	KV2-VT3	Cầu Kế Thành	Chùa bà Bốp	200
III	Xã Kế An				
1	Đường tỉnh 932C	KV1-VT2	Cầu Kế Thành	Cầu số 1	550

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
IV	Xã Trinh Phú				
1	Đường Huyện 4 (mới)	KV1-VT2	Cầu Sóc Tổng	Giáp ranh xã Ba Trinh	500
2	Đường Tỉnh 932	KV1-VT2	Giáp ranh xã Thới An Hội (Sông Rạch Vọp)	Giáp xã Xuân Hòa (Rạch Cái Trâm)	500
3	Đường mới về UBND xã Trinh Phú	KV1-VT1	Cầu Thới An Hội	Giáp đường tỉnh 932	600
		KV1-VT2	Giáp đường tỉnh 932	Hết đất Trụ Sở UBND xã	400
V	Xã Xuân Hòa				
1	Đường Tỉnh 932B	KV1-VT1	Cầu Rạch Bần	Hết ranh đất ông Bửu	500
		KV1-VT2	Giáp ranh đất ông Bửu	Giáp ranh xã Ba Trinh	400
VI	Xã An Lạc Thôn				
1	Đường chính	1	Cầu Công An	Hết ranh đất ông Lê Trọng Lập	3.500
		2	Giáp ranh đất ông Lê Trọng Lập	Sông Hậu	2.000
2	Đường chợ chính	1	Cầu Công An	Hết ranh đất Hoàng Ba	2.500
		2	Hết đất ông Dur (nước đá)	Hết ranh đất Chùa Bà	2.000
		2	Hết ranh đất ông Sành	Hết ranh đất ông Tư Minh	2.000
		3	Hết ranh đất Tiệm vàng Hồng Nguyên	Ngã 4 Quốc lộ Nam Sông Hậu	1.200
		4	Hết đất bà Bảy Lành (giáp ranh Chùa Bà)	Cầu Kênh Đào	1.000
3	Đường Tỉnh 932B	1	Ngã 4 Quốc lộ Nam Sông Hậu	Cầu Rạch Bần	1.000
4	Đường bờ sông	1	Hết ranh đất Nguyễn Văn Lợi	Ngã Ba Tám Khai	800
		1	Hết ranh đất bà Diệp Ngọc Oanh	Sông Cái Côn	900
5	Đường vô phân viện	1	Hết ranh đất ông Quốc Lương	Hết ranh đất Mười Kết	1.000
6	Quốc lộ Nam Sông hậu	2	Ngã 4 Quốc Lộ Nam Sông Hậu	Mương Khai (phía bên lộ)	1.200
		3	Ngã 4 Quốc Lộ Nam Sông Hậu	Mương Khai (phía bên kênh)	1.000
		1	Ngã 4 Quốc Lộ Nam Sông Hậu	Hết đất Trường cấp 2	1.500
		1	Ngã 4 Quốc Lộ Nam Sông Hậu	Hết ranh đất Mai Văn Dũng	1.500
		4	Mương Khai	Phên Đen	600

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
7	Đường đal Trường Tiểu học	1	Giáp ranh đất Nhà nghỉ Duy Thành	Hết đất Trường Tiểu học	600
8	Đường đal Trường Trung học	1	Giáp Quốc lộ NSH	Hết ranh đất Trường Trung học	600
9	Hẻm Bà Bảy Uốn tóc	1	Hết ranh đất bà Trần Thị Thanh Quốc	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Hoàng	600
10	Hẻm Tư Râu	1	Hết đất La Thanh Long	Sông Hậu	600
11	Hẻm ông Mong	1	Hết đất Nguyễn Văn Hồ	Sông Hậu	600
12	Hẻm ông Lón	1	Hết ranh đất Trần Thị Huệ	Sông Hậu	600
13	Hẻm Bà Đẹp	1	Hết ranh đất Trần Thị Đẹp	Sông Hậu	600
14	Hẻm 7 Giảng	1	Hết ranh đất Bảy Giảng	Hết đất Nguyễn Văn Út	600
15	Hẻm Ba Thích	1	Hết đất Trương Thanh Tông	Hết đất Trần Văn Sướng	600
16	Hẻm Út Miếu	1	Hết ranh đất Lê Thị Nhỏ	Hết đất Đinh Thị Thanh Trúc	600
17	Hẻm Út Canh chua	1	Hết ranh đất Lê Văn Hiền	Hết ranh đất Trần Văn Ý	600
18	Hẻm Ủy ban	1	Hết ranh đất Hà Văn Buôn	Hết ranh đất Trần văn Tha	600
19	Hẻm nhà ông Trí Dũng	1	Hết đất nhà ông Trí Dũng	Giáp ranh Khu Hành chính thị trấn	600
20	Hẻm mới	1	Giáp ranh trường Cấp 3	Hết đất Khu Hành chính Thị Trấn	600
21	Hẻm mới	1	Giáp ranh đất ông Long	Giáp ranh đất Trường cấp 3	600
22	Đường giao thông đến trung tâm xã	1	Giáp ranh xã Trinh Phú	Giáp Nam Sông Hậu	500
23	Các tuyến đường đal còn lại ấp An Ninh	1	Suốt tuyến		250
24	Các tuyến đường đal ấp An Thới	1	Suốt tuyến		200
25	Các tuyến đường đal ấp An Bình	1	Suốt tuyến		200
26	Các tuyến đường đal ấp Phên Đen	1	Suốt tuyến		150
VII	Xã Phong Năm				
1	Khu vực xã	KV1-VT1	Hết đất Trụ sở UBND xã	Hết đất tổ Điện lực	350
		KV1-VT1	Giáp ranh đất Trụ sở UBND xã	Hết ranh đất 4 Suối	350
		KV1-VT1	Hết đất trường Tiểu học	Cầu Bà Xe	350

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
2	Đường huyện 1	KV2-VT3	Giáp ranh đất Tổ Điện lực	Bến phà đầu cồn hết phần đất ông Huỳnh Văn Khoa ấp Phong Thạnh	200
VIII	Xã An Mỹ				
1	Khu vực trung tâm xã	KV1-VT1	Hết đất Trụ sở UBND xã	Cổng Ba Công	500
		KV1-VT1	Cổng Ba Công	Cầu Đình	500
		KV1-VT2	Giáp đất Trụ sở UBND xã	Hết đất ông Tư Chuyên (đọc Sông Số 1)	250
2	Đường huyện 6	KV1-VT2	Giáp ranh TT.Kế Sách	Cầu Hai Lép	350
		KV1-VT1	Cầu Hai Lép	Cầu Đình	500
		KV1-VT1	Cầu Đình	Giáp ranh xã Hậu Thạnh	500
IX	Xã Đại Hải				
1	Chợ Mang cá	KV1-VT2	Hết đất Trụ sở UBND xã	Hết đất Chùa Cao Đài Phụng Thiên	700
		KV1-VT3	Giáp ranh đất Chùa Cao Đài Phụng Thiên	Voi Ba đen	350
		KV1-VT1	Khu vực nhà lồng chợ		900
2	Đường đal (Huyện lộ 3 cũ)	KV2-VT2	Cầu Mang cá 3	Hết đất bà Nguyễn Thị Hai	350
3	Đường Huyện 4	KV1-VT2	Cầu Mang cá 2	Giáp ranh xã Ba Trinh	550
4	Đường tỉnh 932B	KV1-VT3	Cầu Mang cá 3	Giáp ranh xã Ba Trinh	500
		KV1-VT2	Giáp ranh đất ông Hai Đục	Cổng Vũ Đảo	900
		KV1-VT1	Cổng Vũ Đảo	Cầu Ba Rinh	1.400
5	Đường tỉnh 932C	KV1-VT2	Giáp ranh đất UBND xã	Cầu Số 1	550
6	Đường Đal Vườn cò	KV2-VT2	Cầu Kế An hướng về vườn cò	Hết đất ông Chính	250
7	Khu vực chợ Cổng Đôi	KV1-VT1	Hết đất đất ông Thường (hướng cầu kênh Ngọc Lý)	Hết ranh đất ông Đắc	1.400
8	Quốc lộ 1A	KV1-VT1	Cầu Ba Rinh	Hết ranh đất ông Hiến (chợ Cổng Đôi) và giáp ranh xã Hồ Đắc Kiên	1.800
		KV1-VT2	Cầu Ba Rinh	Giáp ranh thị xã Ngã Bảy	1.100
9	Đường Mang Cá-Đại Thành	KV2-VT2	Cầu Mang Cá - Đại Thành	Giáp ranh xã Đại Thành	700
10	Khu Tái định cư Quốc lộ 1A	KV1-VT2	Suốt tuyến		900

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
11	Khu tái định cư tự phát ấp Đông Hải	KV2-VT1	Suốt tuyến		350
12	Tuyến đường tập đoàn 2 ấp Đông Hải (phía bên sông)	KV2-VT2	Cổng tiếp nhất ấp Ba Rinh	Hết ranh đất bà Bùi Thị Thanh Dung (giáp xã Hồ Đắc Kiên)	250
X	Xã Ba Trinh				
1	Khu vực trung tâm xã	KV1-VT1	Cầu Đường Trâu	Hết ranh đất ông Nguyễn Thành Công	400
		KV1-VT3	Giáp ranh đất ông Nguyễn Thành Công	Rạch Thành Văn Buôi	300
		KV1-VT2	Đài Tường Niệm	Cầu Sông Rạch Vọp	350
		KV1-VT1	Đường đal Cầu Sông Rạch Vọp đi Trạm Y tế	Đài Tường Niệm	400
2	Đường Tỉnh 932B	KV1-VT1	Giáp ranh xã Đại Hải	Giáp ranh Xã Xuân Hòa	500
3	Đường huyện 4	KV1-VT1	Suốt đường		500
XI	Xã Thới An Hội				
1	Chợ Cầu Lộ	ĐB	Dãy A,B,C từ nhà ông Phạm Văn Tho	Hết đất ông Nguyễn Văn Hùm - Nguyễn Văn Vem - Nguyễn Thanh Tâm	2.500
2	Đường Huyện 4	KV1-VT1	Hết đất Trụ sở UBND xã	Cầu 8 Chanh	2.000
		KV1-VT2	Cầu 8 Chanh	Cầu Xóm Đồng	1.500
		KV1-VT3	Cầu Xóm Đồng	Cầu Sóc Tổng	1.000
		KV2-VT1	Cầu Thới An Hội	Giáp ranh xã An Lạc Tây	500
3	Đường vòng cung Trường mẫu giáo	KV1-VT1	Giáp Tỉnh lộ 932	Cổng Tám Chanh	2.000
4	Đường tỉnh lộ 932	KV1-VT1	Ngã 3 UBND xã	Cầu Ninh Thới	1.500
		KV1-VT2	Cầu Ninh Thới	Cầu Hai Vọng	1.000
		KV1-VT3	Cầu 2 Vọng	Cầu 10 Xén	600
		KV1-VT3	Cầu 10 xén	Cầu Chệt Tịnh	600
		KV1-VT2	Cầu Chệt Tịnh	Giáp ranh TT Kế Sách	1.000
5	Đường huyện 5B	KV2-VT1	Suốt tuyến		800
6	Khu vực chợ cũ	KV2-VT3	Cầu đối diện UBND xã	Hết ranh đất Nhà Thờ Tin Lành	400
7	Đường đal Cầu Trắng	KV2-VT3	Cầu Trắng	Giáp ranh đất xã Nhơn Mỹ	250
8	Đường đal xuống bến phà (tuyến mới)	KV1-VT1	Giáp Huyện lộ 4	Bến phà - Hết đất Trần Thành Lập	1.200

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
9	Đường về cầu đi Trinh Phú (tuyến mới)	KV1-VT1	Giáp Huyện lộ 4	Cầu Trinh Phú	1.200
10	Đường đal (tuyến mới)	KV1-VT2	Giáp Đường vòng cung Trường Mẫu giáo	Giáp Huyện lộ 4	1.000
11	Khu Dân cư tự phát ấp Xóm Đồng (đổi diện chốt Công an)	KV1-VT2	Suốt tuyến		800
XII	Xã An Lạc Tây				
1	Chợ An Lạc Tây	KV1-VT1	Hết ranh đất bà Chi	Hết ranh đất ông Đại	1.000
		KV1-VT1	Giáp ranh đất ông Đại	Giáp Quốc lộ NSH (đường Cầu Sáu Ú)	1.000
2	Đường huyện 4	KV1-VT1	Giáp ranh đất Nhà bà Chi	Ngã 4 Quốc lộ Nam Sông Hậu	1.000
		KV1-VT2	Ngã 4 Quốc lộ Nam Sông Hậu	Cầu Thị Hồ (giáp xã Thới An Hội)	600
3	Quốc lộ Nam Sông Hậu	KV1-VT2	Cầu Trà Eché	Cổng Hai Liềm	700
		KV1-VT1	Cổng Hai Liềm	Cầu Rạch Vọp	1.000
		KV1-VT2	Cầu Rạch Vọp	Cầu Phên Đen	700
4	Đường đal Trạm y tế	KV2-VT2	Giáp Quốc lộ Nam Sông Hậu	Giáp đất Bà Chi (dọc Sông Hậu)	400
5	Đường đal kênh Hai Liềm	KV2-VT3	Quốc lộ Nam Sông Hậu	Cầu 2 Liềm	250
XIII	Xã Nhơn Mỹ				
1	Khu vực chợ	KV1-VT1	Hết đất Bưu điện xã cũ	Hết ranh đất chùa Hiệp Châu	1.000
		KV1-VT2	Giáp ranh đất Chùa Hiệp Châu	Cầu tàu	750
		KV1-VT3	Cầu tàu	Giáp Quốc lộ Nam Sông Hậu	700
2	Đường xuống bến phà	KV1-VT2	Giáp Quốc lộ Nam sông Hậu	Bến phà mới	750
		KV1-VT1	Giáp Quốc lộ NSH	Ngã 4 Bến phà cũ	800
		KV1-VT3	Ngã 4 bến phà cũ	Bến phà cũ	700
		KV1-VT1	Cầu tàu	Ngã tư bến phà cũ	800
3	Quốc lộ Nam Sông Hậu	KV1-VT1	Cầu Rạch Mọp	Hết đất trụ sở UBND xã Nhơn Mỹ	1.000
		KV1-VT2	Giáp đất Trụ Sở UBND xã	Cầu Trà Eché	800
4	Đường huyện 5B	KV1-VT3	Giáp Quốc lộ NSH	Cầu Mỹ Hội	700

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
E	HUYỆN THANH TRỊ				
I	Thị trấn Phú Lộc				
1	Đường Văn Ngọc Chính	1	Cầu Phú Lộc	Đường Lý Thường Kiệt	3.100
		2	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Nguyễn Trung Trục	2.500
		3	Đường Nguyễn Trung Trục	Hết ranh đất Ông Chánh	800
		4	Cầu Phú Lộc	Ngã ba kênh Bào Lớn	750
2	Đ. Nguyễn Văn Trỗi	1	Quốc Lộ 1A	Cầu Bào Lớn	800
3	Đường 1/5	1	Đường Văn Ngọc Chính	Đường 30/4	3.100
4	Đ. Nguyễn Đức Mạnh	1	Đường Văn Ngọc Chính	Đường 30/4	3.000
5	Đường Trần Hưng Đạo	1	Quốc Lộ 1A	Đường Lý Thường Kiệt	3.000
		2	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Nguyễn Trung Trục	1.500
6	Đường Lý Thường Kiệt	1	Đường Văn Ngọc Chính	Đường 30/4	2.700
7	Quốc lộ 1A	1	Đường 30/4 (hết ranh đất Lý Thị Phụng)	Hết ranh đất UBND huyện	2.600
		2	Cầu Xèo Tra	Đầu đường Nguyễn Huệ	2.430
		3	Đầu Đ. Nguyễn Huệ	Đường 30/4 (hết ranh đất Lý Thị Phụng)	2.000
		4	Giáp ranh đất UBND huyện	Đầu Hẻm 10	1.700
		5	Đầu hẻm 10	Hẻm 12	1.400
		6	Hẻm 12	Ngã 3 đường 937B	1.200
		7	Ngã 3 đường 937B	Cầu Nàng Rền	950
8	Đường cấp công Viên	1	Hết ranh đất ông Nguyễn Ngọc Vinh	Hết ranh đất ông Lâm Phước Tài	1.500
10	Đường 30/4	1	Quốc lộ 1A	Đường Nguyễn Trung Trục	3.000
		2	Đ. Nguyễn Trung Trục	Cầu 30/4	900
		3	Cầu 30/4	Hết ranh đất ông Võ Thành Lực	600
11	Lộ Rẫy Mới	1	Giáp ranh đất ông Võ Thành Lực	Giáp Ranh TT Hưng Lợi	250
12	Đường Điện Biên Phủ	1	Đường Văn Ngọc Chính	Đường 30/4	2.100
13	Đường Lý Tự Trọng	1	Quốc Lộ 1A	Bệnh Viện Đa Khoa (cũ)	1.800

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
14	Đường Ngô Quyền	1	Cầu Phú Lộc	Đ. Nguyễn Trung Trực	1.400
		2	Đ. Nguyễn Trung Trực	Cuối đường (Miếu Bà)	800
15	Đường Nguyễn Huệ	1	Quốc Lộ 1A	Kênh Trạm Quản Lý Thủy nông	1.500
		2	Kênh Trạm Quản Lý Thủy nông	Giáp Ranh xã Thạnh Trị	1.500
16	Đường Nguyễn Trung Trực	1	Đường Nguyễn Huệ	Đường 30/4	2.500
17	Đường Trần Văn Bảy	1	Đầu đường Trần Văn Bảy	Giữa kinh KT13	900
		2	Giữa kinh KT13	Giáp ranh đường Huyện 1	700
18	Đường Cách Mạng Tháng 8	1	Quốc lộ 1A	Hết ranh đất ông Nguyễn Nam Sơn	850
19	Đường Trần Phú	1	Suốt đường		1.500
20	Đường Huyện 1	1	Đầu cầu Xẻo Tra	Hết ranh công Thái Văn Ba	400
		2	Giáp ranh công Thái Văn Ba	Giáp ranh xã Thuận Tức	300
21	Đường Tỉnh 937B	1	Quốc Lộ 1A	Cầu Trắng	700
22	Lộ ấp Phú Tân	1	Ranh xã Thạnh Quới	Giáp ranh xã Thuận Tức	200
23	Lộ ấp Bào Lớn	1	Cầu Bào Lớn	Giáp ranh xã Châu Hưng A, Bạc Liêu	250
24	Đường vành đai	1	Cầu 30/4	Hẻm 10	1.000
		2	Hết hẻm 10	Đường tỉnh 937B	700
25	Tuyến cặp sông (cặp QL 1A)	1	Đầu ranh đất bà Lý Thị Hoài	Hết ranh đất ông Lâm Văn Đức	350
26	Lộ ấp Thạnh Điền	1	Cầu Bào Lớn	Giáp ranh xã Thạnh Quới	200
27	Đường đal cặp Nhà Văn Hóa	1	Giáp Quốc Lộ 1A	giáp đường Trần Văn Bảy	450
28	Hẻm 1 (cầu Xẻo Tra)	1	Giáp Quốc Lộ 1A	giáp đường Cách Mạng Tháng 8	450
29	Hẻm 4 (cặp nhà bà Mai)	1	Suốt tuyến		450
30	Hẻm 6(cặp kênh Trạm Thủy Nông)	1	Giáp đường Nguyễn Huệ	Hết đất bà Trần Thị Phụng	500
31	Hẻm 7(cặp Huyện đội)	1	Giáp Quốc Lộ 1A	Hết ranh đất bà Lê Hồng Liên	500
32	Hẻm 8 (cặp UBND huyện)	1	Suốt tuyến		650

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
33	Hẻm 9 (cặp nhà ông Lai)	1	Giáp Quốc Lộ 1A	Hết ranh đất Thái Phước Khai	500
34	Hẻm 10	1	Giáp Quốc Lộ 1A	Giáp đường Vành đai	450
35	Hẻm 11	1	Giáp Quốc Lộ 1A	Chùa Phật	450
36	Hẻm 12	1	Giáp Quốc Lộ 1A	Giáp Lộ Vành Đai	400
37	Hẻm 13(Cầu Đình)	1	Giáp Quốc Lộ 1A	Hết ranh đất Quách Văn Tỷ	400
II	Thị trấn Hưng Lợi				
1	Đường tỉnh 937B	3	Cầu Trắng	Cầu Cống	700
		2	Cầu Cống	Hết đất Phùng Văn Vện	1.200
		1	Giáp đất Phùng Văn Vện	Cầu Trương Từ	1.600
		1	Cầu Trương Từ	Hết đất ông Lâm Ngà	1.600
		3	Giáp ranh đất ông Lâm Văn Ngà	Cầu số 1	700
		4	Cầu số 1	Giáp ranh xã Châu Hưng	350
2	Lộ ấp Xóm Tro 1	1	Đầu ranh đất ông Đặng	Hết đất ông Trần Văn Hoàng (Ông Hấu)	250
		1	Giáp ranh đất ông Trần Văn Hoàng (Ông Hấu)	Cầu Ông Kịch	250
		1	Đầu Ranh đất ông Lâm Sĩ Tha	Hết ranh đất ông Tăng Kịch	200
		1	Đầu ranh đất Quách Thị Kim Sang	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Phúc	200
		1	Hết ranh đất ông Tăng Nam	Hết ranh đất bà Sơn Thị Danh	250
		1	Giáp ranh đất Thạch Thị Sơn	Hết ranh đất Lý Thị Huỳnh	250
		1	Giáp ranh đất Thạch Cal	Hết ranh đất Thạch Khiêm	250
		1	Giáp đường tỉnh 937B	Hết đất ông Dương Hoàng Đăng	500
		1	Từ Trạm cấp nước phía sau	Hết ranh đất Tô Nam Tin	500
		1	Giáp ranh đất Hàng Hel	giáp kênh Thầy Ban	200
3	Huyện lộ 68 (Lộ Kinh Ngay)	1	Vòng xuyên đường 937B	Hết ranh Trạm Y Tế	2.000
		2	Từ ranh Trạm Y Tế	Cổng bà Nguyễn Thị Lệ	1.000
		3	Giáp Cổng bà Nguyễn Thị Lệ	Cổng Sáu Chánh	700
		4	Giáp Cổng Sáu Chánh	Giáp ranh xã Châu Hưng	350

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
4	Đường Chợ	1	Đường tỉnh 937B	Cầu bà Kía	1.600
		1	Đầu ranh đất ông Hầu (Lý Đông)	Hết nhà Tiêu Thanh Đức	1.600
		1	Đầu ranh đất ông Lý Bạc Hó	Hết đất ông Ngô Ìa	700
		1	Đầu ranh đất ông Lý Hún	Cầu Trương Từ	700
		1	Đầu ranh đất Quách Hùng Thương	Hết ranh đất ông Trịnh Thành Công	700
5	Đường số 1	1	Đầu ranh đất ông Nguyễn	Hết đất bà Đỏ	3.500
6	Đường số 2	1	Đầu ranh đất Bác sỹ Dũng	Hết ranh đất Quách Hưng Đại	2.000
7	Đường số 3	1	Đầu ranh đất Lý Phước Bình	Hết ranh đất Trần Ngọc Minh Thành	2.500
8	Đường số 4	1	Cầu Trương Từ	Hết ranh đất ông Hùng	3.000
9	Lộ ấp số 8	1	Giáp ranh đất ông Lâm Ngà	Hết ranh đất ông Lý Mưng	200
		1	Đầu ranh đất bà Thạch Thị Lel	hết ranh đất ông Lâm Hong	200
		1	Đầu ranh đất Trần Hoàng	Hết ranh đất Liêu Tên	200
		1	Giáp ranh đất Tấn Cang	Hết ranh đất ông Trịnh Phol	500
		1	Vũ Văn Hoàng	Hết đất ông Tiền Buội	670
		1	Đầu ranh đất ông Dương Phal	Hết đất Ngô Văn Thắng	500
		1	Giáp đường tỉnh 937B	Hết đường đal nhà Thạch Phel	200
		1	Giáp đường tỉnh 937B	Hết nhà máy Lý Khoa	500
		1	Cầu bà Kía	Hết nhà máy Lý Khoa	500
10	Lộ ấp số 9	1	Đầu ranh đất ông Nguyễn Minh Luận	Hết ranh đất ông Hứa Đen	600
		2	Giáp ranh đất ông Hứa Đen	Hết đất Nhà máy Kim Hưng	650
		3	Giáp ranh đất Nhà Máy Kim Hưng	Giáp ranh xã Thạnh Trị	300
		1	Giáp ranh đất ông Nguyễn Minh Luận	Hết ranh đất Lý Oi	200
		1	Giáp ranh đất Lý Oi	Giáp ấp 23 xã Thạnh Trị	200
		1	Giáp ranh đất Lý Oi	Hết ranh đất ông Danh Lợi	200

Đơn vị tính: 1.000.đồng/m²

Đơn vị tính: 1.000.đồng/m2

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
11	Đường Dal	1	Đầu ranh đất ông Trần Văn Út	Hết ranh đất ông Khel (giáp chùa)	200
12	Đường cấp sông	1	Đường tỉnh 937B	Hết đất Bành Thiệu Văn (ông Sô)	600
		1	Đầu ranh đất bà Lâm Thị Thuỷ	Hết ranh đất bà Lệ ấp Kinh Ngay	600
13	Kinh Giồng Chùa	1	Đầu ranh đất ông Lý Chấn Thạnh	Chùa Lộc Hoà	600
		1	Giáp ranh đất ông Lý Chấn Thạnh	Hết ranh đất Lâm Ngọc Giàu	600
14	Lộ Bào Cát- Quang Vinh	1	Giáp đường tỉnh 937B	Hết ranh đất Võ Văn Hiền	300
		1	Giáp ranh Võ Văn Hiền	Hết ranh đất Bành Ghi	300
		1	Giáp ranh đất ông Trần Văn Bé	Giáp ranh TT Châu Hưng A - Bạc Liêu	300
15	Lộ Bào Cát	1	Giáp đường tỉnh 937B	giáp ranh thị trấn Phú Lộc	200
16	Lộ đal Chợ Cũ- Xóm Tro	1	Đường tỉnh 937B	Hết rang đất ông Hàng Hel	200
17	Lộ ấp Giồng Chùa (mới)	1	Giáp ranh TT Phú Lộc	Ranh đất Quách Mửng	250
18	Khu Tái định cư ấp Số 9	1	Suốt tuyến		300
III	Xã Thạnh Trị				
1	Quốc lộ 61B(Đường tỉnh 937)	KV1-VT1	Ranh thị trấn Phú Lộc	Cổng số 2 (Hết đất ông Ba Việt)	1.300
		KV1-VT2	Giáp ranh đất ông Ba Việt	Giáp đất Đình Trương Hiền	900
		KV1-VT3	Hết ranh đất Đình Trương Hiền	Cầu Sa Di	500
		KV1-VT3	Cầu Sa Di	Giáp ranh xã Thạnh Tân	500
2	Đường Huyện 61 (Huyện 5 cũ)	KV2-VT1	Giáp Ranh Xã Vĩnh Thành	Giáp Quốc lộ 61B	300
3	Đường Huyện 63 (Huyện 5 cũ)	KV2-VT1	Giáp Ranh Xã Tuấn Túc	Giáp Quốc lộ 61B	300
4	Lộ Rẫy Mới	KV2-VT2	Đầu Vàm Xáng (Đầu ấp Rẫy Mới)	Giáp Ranh TT Hưng Lợi	250
5	Lộ kinh 8 thước	KV2-VT3	Cầu bà Nguyệt	Ranh xã Thạnh Tân	150
6	Lộ đai ấp 22	KV2-VT3	Giáp Huyện lộ 61(Huyện lộ 5 cũ)	Hết rang đất ông Nguyễn Văn Điệp	150

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
7	Lộ đal ấp Tà Lọt C- Mây Dóc	KV2-VT3	Giáp Huyện lộ 61(Huyện lộ 5 cũ)	Huyện Lộ (hết ranh đất Mẫu)	150
8	Lộ đal Mây Dóc	KV2-VT3	Cầu trường học Mây Dóc	Cầu Treo Mây Dóc	150
9	Lộ đal Mây Dóc	KV2-VT3	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Cảnh	Giáp ranh xã Vĩnh Thành (hết ranh đất Lý Kel)	150
10	Lộ đal ấp Rẫy Mới	KV2-VT3	Đầu ranh đất ông Lý Sol	Hết ranh đất ông Lý Út	150
11	Lộ đal Rẫy Mới- Tà Niên	KV2-VT3	Đầu ranh đất Tô Phước Sinh	Hết ranh đất Nguyễn Văn Răng	150
12	Lộ đal ấp Tà Niên	KV2-VT3	Cầu ông Đoàn Văn Thắng	Cầu Mếu Tà Niên	150
13	Lộ đal Tà Điếp C1- Tà Điếp C2	KV2-VT3	Giáp Huyện lộ 61 (Huyện lộ 5 cũ)	Giáp ranh xã Thạnh Tân	150
14	Lộ đal ấp Tà Lọt A	KV2-VT3	Giáp Huyện lộ 61 (Huyện lộ 5 cũ)	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Đàm	150
15	Lộ đal ấp Tà Lọt C	KV2-VT3	Hết ranh đất Nguyễn Văn Thành	Hết ranh đất ông Lê Văn Toàn	150
16	Lộ đal ấp Trương Hiền	KV2-VT2	Suốt tuyến		200
IV	Xã Thuận Túc				
1	Đường Huyện 64 (Huyện 1 cũ)	KV1-VT1	Giáp ranh Phú Lộc	Hết Trường THCS Thuận Túc	300
		KV1-VT1	Giáp Trường THCS Thuận Túc	Hết đất Nhà máy Lai Thành	300
		KV1-VT2	Giáp ranh Nhà máy Lai Thành	Giáp ranh xã Thạnh Tân	200
2	Đường Huyện 63 (Huyện 5 cũ)	KV1 -VT1	Giáp ranh xã Thạnh Trị	Hết đất bà Quách Thị Buối	300
		KV1 -VT2	Giáp ranh đất bà Quách Thị Buối	Hết đất nhà Lý Sà Rương	250
		KV1 -VT3	Giáp ranh đất Lý Sà Rương	Giáp ranh xã Lâm Tân	200
3	Đường Huyện 61(Huyện 2 cũ)	KV2-VT1	Đầu ranh đất ông Lý Ứng	Giáp ranh xã Lâm Tân	250
4	Lộ ấp Trung Thành	KV2-VT1	Kênh 10 Quờn	Giáp ranh Phú Lộc	200
5	Lộ ấp Trung Hoà	KV1-VT1	Chợ Mới	Hết ranh đất Thạch Hưng	300
		KV1 -VT2	Đầu ranh đất Nhà Dương Lê	Cầu Thanh Niên	250
		KV1-VT1	Hết đất ông Lý Cuội	Cầu Chùa Mới Trung Hoà	300
6	Lộ Trung Hoà - Trung Bình	KV2 -VT1	Ranh đất ông Lý Cuội	Cầu Chợ Mới Trung Bình	250

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m ²					
STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
V	Xã Vĩnh Lợi				
1	Đường Tỉnh 937B	KV2-VT1	Ranh xã Vĩnh Thành (Tư duyên)	Giáp ranh đất Sân Bóng	400
		KV1-VT2	Hết đất Sân Bóng	Cầu Chợ	550
		KV1-VT1	Cầu Chợ	Hết đất ông Trần Văn Dự	600
		KV1-VT3	Ranh đất ông Trần Văn Dự	Kênh Nàng Rền	450
		KV2-VT2	Kênh Nàng Rền	Cầu Bờ Tây (Mỹ Quới)	300
2	Khu Chợ	KV1-VT1	Cầu Chợ	Cầu Miếu	600
		KV1-VT3	Cầu Miếu	Hết đất ông Trần Ánh Ốc	450
		KV1-VT2	Cầu Thanh Niên	Giáp đường tỉnh 937B	550
3	Đường Huyện 61 (Huyện lộ 5 cũ)	KV1-VT2	Ranh đất ông Bì	Giáp cầu xã Vĩnh Thành	500
4	Huyện Lộ 68	KV2-VT1	Giáp ranh Mỹ Quới (hết đất ông Khẩn)	Giáp cầu ấp 13- Châu Hưng	400
5	Huyện Lộ 67	KV2-VT1	Từ lò Rạch	Hết ranh đất ông Sáu Chinh	400
6	Lộ đal ấp 16/2	KV2-VT2	Ranh đất ông Trần Ánh Ốc	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Liêm	300
7	Lộ ấp 16/2-13	KV2-VT2	Cầu Bờ Tây	đến nhà Ông Khẩn	300
8	Lộ ấp 16/2	KV2-VT2	Cầu Bờ Tây	Hết đất ông Thắng ấp 16/2	300
9	Lộ đal ấp 15	KV1-VT2	Hết đất Trần Văn Hùng	Hết đất ông Thái Xe	500
		KV1-VT2	Hết đất ông Trần Văn Đạt	Kênh Nàng Rền	500
		KV2-VT2	Đầu ranh đất ông Sang	Hết ranh đất ông Sáu Mập	300
VI	Xã Vĩnh Thành				
1	Đường Huyện 5	KV1-VT2	Đầu ranh đất ông Nguyễn Văn Đứng	Hết đất bà Muối	400
		KV1-VT3	Ranh đất Bà Muối	Hết đất bà Lê Thị Nhung	300
		KV1-VT2	Ranh đất bà Lê Thị Nhung	Hết đất ông Thái	400

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
2	Đường Huyện 5	KV2-VT1	Ranh đất ông Thái	Cầu Thanh Niên (Ranh xã Thanh Trị)	300
3	Đường tỉnh 937B	KV1-VT3	Ranh thị trấn Châu Hưng	Cầu Tây Nhỏ	350
4	Lộ đal	KV1-VT2	Cầu Thanh Niên (Tur Đung)	Hết ranh đất Võ Trường Tôn	400
VII	Xã Thạnh Tân				
1	Quốc lộ 61B(Đường tỉnh 937)	KV1-VT2	Giáp Ranh xã Thanh Trị	Hết ranh đất ông Nguyễn Sơn	500
		KV1-VT1	Giáp ranh đất ông Nguyễn Sơn	Cầu 14/9	600
		KV2-VT2	Cầu 14/9	Cầu Ông Tàu	500
2	Đường huyện 64 (Huyện 1 cũ)	KV2-VT2	Đầu ranh đất bà Liêu Thị Sa Ma Lay	Giáp ranh xã Thuận Túc	200
3	Đường Huyện 61(Huyện 2 cũ)	KV2 -VT2	Đầu ranh đất ông Lâm Hữu Thống	Giáp ranh xã Thuận Túc	200
4	Lộ kênh 8 mét	KV2 -VT2	Đầu ranh đất ông Bùi Minh Huệ	Giáp Ranh xã Thanh Trị	200
5	Lộ A2 - Tân Thắng	KV2 -VT2	Đầu ranh đất ông Thạch Sốc	Giáp ranh xã Lâm Tân	200
6	Lộ 14/9	KV2 -VT2	Cầu 14/9	Giáp ranh xã Lâm Tân	200
7	Lộ B1- A2- 21	KV2 -VT2	Cầu treo	Giáp ranh Tân Long	200
	Lộ đal (xóm cá)	KV2 -VT2	Đầu ranh Chùa ông 7 Đạt	Cầu bà Nguyệt	200
8	Lộ đal (xóm lá)	KV2 -VT3	Cầu 8 Trường	Cầu Treo kênh 8m	150
9	Lộ đal (Ngọn Tà Âu)	KV2 -VT3	Đầu ranh đất ông 5 Quanh	Giáp Nông Trường Công An	150
10	Lộ đal Cái Trầu	KV2 -VT3	Cầu Lác Chiếu	Giáp ranh xã Lâm Tân	150
11	Lộ B2 nối tiếp	KV2 -VT3	Nhà ông Bùi Minh Huệ	Giáp ranh xã Thanh Trị	150
12	Lộ đal 5 Hạt - 26/3	KV2 -VT2	Đầu ranh đất ông Phong	Hết ranh đất ông Phạm Anh Hùng	200
VIII	Xã Lâm Kiết				
1	Đường Tỉnh 940	KV1-VT1	Giáp Ranh Xã Thanh Phú	Cổng Thuận Túc	500
		KV1-VT2	Cổng Thuận Túc	Cổng Sa Keo	400
		KV1-VT3	Cổng Sa Keo	Ranh xã Mỹ Thuận (Mỹ Tú)	300
2	Khu Vực Xóm Phô	KV1-VT1	Đầu Chùa Trà É	Chợ Lâm Kiết	700

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
3	Khu Dân Cư	KV1-VT2	Đầu ranh đất Lý Kêu	Hết đất bà Thạch Thị Huyền	400
4	Trung Tâm Xã	KV1-VT3	Trạm Y Tế	Hết đất Bà Thạch Thị OI	350
5	Đường Huyện 61(Huyện 5 cũ)	KV2-VT1	Đầu Đường Huyện 5	Giáp ranh xã Lâm Tân	300
6	Đường Liên Xã	KV2-VT2	Đầu ranh đất Lý Ngọc Khải	Hết ranh đất Lâm Thái	250
7	Lộ đal Kiệt Bình	KV2-VT3	Đường Tỉnh 940	Giáp ranh xã Lâm Tân	200
		KV2-VT3	Cổng Sa Keo	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Nhiều	200
8	Đường tỉnh 940 tuyến mới	KV2-VT1	Ranh xã Thanh Phú	Công Tuấn Túc	300
9	Lộ đal ấp Kiệt Hoà	KV2-VT3	Cổng Cái Trầu	Hết đất ông Chín Âm	200
10	Lộ đal ấp Lợi	KV2-VT2	Đầu ranh đất ông Trần Minh	Hết đất ông Lý Chêl	250
11	Lộ đal ấp Trà Do	KV2-VT2	Cầu Trà Do	Hết đất bà Lý Thị Nol	250
12	Lộ ấp Kiệt Lợi	KV2-VT1	Đoạn Cầu Xóm phồ	Hết ranh đất ông Khuru Trái Thia	400
		KV2-VT2	Ranh đất ông Quết	Hết ranh đất bà Trang	250
13	Lộ Kiệt Thắng	KV2-VT3	Cầu Kiệt Thắng	Hết ranh đất ông Đặng	200
14	Đoạn nối đường 940 (Huyện 60, 61)	KV2-VT1	Giáp đường tỉnh 940	Cầu nhà ông Lý Kêu	300
		KV2-VT2	Đầu ranh đất bà Trang	Giáp ranh xã Lâm Tân	250
IX Xã Lâm Tân					
1	Đường huyện 61 (Huyen 2 cũ)	KV1-VT2	Ranh xã Tuấn Túc	Kênh Mương Điều Chắc Túc	250
		KV1-VT1	Kênh Mương Điều Chắc Túc	Kênh vàm Mương điều dọc theo huyện lộ 61 ấp Kiệt Nhất B	300
		KV1-VT2	Kênh Vàm Mương Điều	Ranh xã Lâm Kiệt	250
2	Đường Huyện 63 (Huyện 5 cũ)	KV1-VT2	Giáp ranh xã Tuấn Túc	Ranh xã Lâm Kiệt	250
3	Các tuyến lộ đal còn lại	KV2-VT3			200
X Xã Châu Hưng					
1	Lộ Kinh Ngay	KV1-VT1	Đầu ranh đất Trường tiểu Học Châu Hưng 1	Hết ranh đất trạm Y tế xã	400
		KV1-VT1	Cầu Nàng Rền	Hết ranh đất UBND xã	400
		KV1-VT2	Giáp ranh TT Hưng Lợi	Hết ranh đất bà hai Gầm	350

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
2	Lộ đal Kinh Ngay 2	KV2-VT2	Cầu Kinh Ngay 2	Hết ranh đất ông Teo	250
3	Đường tỉnh 937B	KV1-VT2	Giáp ranh TT Hưng Lợi	Giáp ranh xã Vĩnh Thành	350
4	Lộ đal ấp Tàn Dù	KV2-VT3	Cầu ông Teo	Hết ranh đất ông Dương	200
5	Lộ đal ấp Tàn Dù (2 Si)	KV2-VT3	Đầu ranh đất ông Khởi	Hết ranh đất ông Ba Đóm	200
6	Lộ đal ấp Tàn Dù (6 Huỳnh)	KV2-VT3	Cầu ông Chuối	Hết ranh đất ông Hó	200
7	Lộ đal ấp Tàn Dù	KV2-VT3	Cầu ông 3 Chuối	Giáp lộ Xóm Tro 2	200
8	Lộ đal ấp Kinh Ngay 2- Xóm Tro2- Quang Vinh	KV2-VT3	Cầu Việt Mỹ (ông Tuyên)	Ngã tư Quang Vinh	200
9	Lộ đal ấp Kinh Ngay 2 - Xóm Tro 2	KV2-VT3	Cầu Kinh Ngay 2	Cầu trường TH Xóm tro 2	200
		KV2-VT3	Cầu Xóm Tro 2	Ranh Bạc Liêu	200
10	Lộ đal ấp Kinh Ngay 2- 23	KV2-VT3	Đầu ranh đất ông Phong	Đường tỉnh 937B	200
11	Lộ Kinh Ngay 2 - Tràm Kiến	KV2-VT2	Cầu Kinh Ngay 2	Cầu ông Hó	250
12	Lộ đal ấp 13	KV2-VT3	Đất Út Hòa (Tám Luyên)	Hết đất Út Phước	200
		KV2-VT3	Cầu Ba Tèo	Hết đất Út Phước	200
		KV2-VT3	Từ đất ông Hùng	Hết ranh đất ông Tư Nhơn	200
13	Huyện lộ 68 (Lộ Kinh Ngay)	KV1-VT3	Hết ranh đất ông Có	Hết ranh đất Bảy Thoi	300
14	Lộ đal ấp Quang Vinh	KV2-VT3	Ngã tư Quang Vinh	Hết ranh đất ông Bành Phong	200
15	Lộ đal ấp Tràm Kiến	KV2-VT3	Cầu Bảy Âm	Cầu Mếu ấp 13	200
F	THỊ XÃ NGÃ NĂM				
I	Phường 1				
1	Đường Nguyễn Trung Trực.	1	Hết ranh đất bà Ngô Thị Mết (cầu trắng cũ)	Cổng 5 Kẹ	4.500
		2	Cổng 5 Kẹ	Cầu Thanh Niên (Khóm 1)	1.750
		3	Cầu Thanh Niên (Khóm 1)	Cầu Quán Lộ Phụng Hiệp (Khóm 7)	1.200
		4	Cầu Quán Lộ Phụng Hiệp (Khóm 7)	Kênh 90	700
		5	Kênh 90	Hết tuyến	500

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
2	Đường 3 tháng 2.	1	Giáp ranh đất bà Ngô Thị Mết (Cầu trắng cũ)	Đường Trần Văn Bảy	5.800
		2	Đường Trần Văn Bảy	Hết ranh đất Chùa Phật Mẫu	4.200
		3	Giáp ranh Chùa Phật Mẫu	Hết ranh đất cây xăng số 1 (Hoàng Nhung)	2.000
		4	Giáp ranh đất cây xăng số 1 (Hoàng Nhung)	Cầu Công đá	1.500
3	Đường Lê Hồng Phong	1	Suốt tuyến		4.300
4	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	1	Suốt tuyến		5.000
5	Đường Võ Thị Sáu	1	Suốt tuyến		4.300
6	Đường Trần Văn Bảy	1	Suốt tuyến		3.800
7	Đường Mai Thanh Thế	1	Giáp đường Nguyễn Trung Trực	Đường Trần Văn Bảy	4.300
		1	Đường Trần Văn Bảy	Hết đất Trụ sở UBND phường 1	4.300
8	Đường Hùng Vương	1	Cầu Ngã Năm mới (ngang khu hành chính)	Đầu đường Nguyễn Trãi (Cầu Đỏ cũ)	3.800
		2	Đầu đường Nguyễn Trãi (Cầu Đỏ cũ)	Cầu Đỏ mới	1.800
		3	Cầu Đỏ mới	Cầu Bến Long	800
		4	Cầu Bến Long	Hết tuyến (giáp phường 2)	250
9	Đường 30 tháng 4	1	Mố cầu Đỏ cũ (đường 1-5) đến đầu voi	Hết ranh đất ông Năm Miên	1.000
		2	Giáp ranh đất ông Năm Miên	Đường nối Quốc lộ 61B (Nhánh rẽ 42 - Trà Ban)	600
10	Đường 1 tháng 5	1	Mố cầu Đỏ cũ	Rạch Xẻo Cạy	400
		2	Rạch Xẻo Cạy	Giáp ranh xã Long Tân	200
11	Khóm 2	1	Cầu Chùa Ông Bồn đến đầu voi	Hết ranh đất bà Ba Đê	600
12	Kênh Xáng chìm	1	Giáp ranh đất bà Ba Đê	Hết ranh đất Hai Thời	400
		2	Giáp ranh đất Hai Thời	Cầu 2 Chánh giáp xã Vĩnh Quới	300
13	Đ. Lạc Long Quân	1	Giáp đường Mậu Thân	Hết ranh đất Chùa Ông Bồn cũ	700
		2	Giáp Ranh đất Chùa Ông Bồn cũ	Giáp ranh xã Vĩnh Quới	200

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
14	Đường Mậu Thân	1	Giáp đường Lạc Long Quân	Cầu Treo	1.000
		2	Cầu treo	Cầu Đường Trâu	800
15	Đường Nguyễn Trãi (Quốc lộ 61B)	1	Giáp đường Hùng Vương (mở cầu Đò cũ)	Vòng xuyên (trước khu HC)	1.600
		1	Từ Vòng xuyên (trước khu HC)	Mở cầu Quản Lộ - Phụng Hiệp (hết đất bên xe tam)	1.600
		2	Mở cầu Quản lộ Phụng Hiệp (Giáp đất bên xe tam)	Cổng ông Phạm Văn Bê (Nghĩa trang liệt sĩ mới)	1.400
16	Đường Lê Hoàng Chu	1	Suốt đường		200
17	Quốc lộ 61B	1	Giáp xã Long Bình	Cổng ông Phạm Văn Bê (Nghĩa trang liệt sĩ mới)	800
		2	Cổng ông Phạm Văn Bê (Nghĩa trang liệt sĩ mới)	Cầu Đò mới	600
		3	Cầu Đò mới	Giáp đường 30/4	500
		3	Giáp đường 30/4	Cầu Dừa (Trà Ban)	500
18	Đường nội ô Khóm 1	1	Trường Mai Thanh Thế	Hết đất UBND Phường 1	1.800
19	Đường vào Bệnh viện và nội ô TT Ngã Năm	1	Từ Cầu Ngã Năm mới (ngang khu HC) Đến hết ranh đất ông Lê Văn Được	Giáp đường Mai Thanh Thế	1.500
		1	Từ ranh đất ông Lê Văn Được (trước trường Tiểu học Ngã Năm 1)	UBND Phường 1	1.500
		1	Hết ranh đất ông Thái Quốc Tuấn	Quản lộ Phụng Hiệp	1.500
20	Đường số 1	1	Quản lộ Phụng Hiệp	Hết tuyến	1.800
21	Quản lộ Phụng Hiệp	2	Kinh Cống đá	Cầu Kinh Phú Lộc - Ngã Năm	500
		1	Cầu Kinh Phú Lộc - Ngã Năm	Kinh Bến Long	600
		3	Kinh Bến Long	Ranh Phường 2	300
22	Đ. Khu hành chính mới	1	Giáp Tỉnh lộ 937	Đường số 1	1.800
23	Đường Trần Hưng Đạo	1	Cầu Bến Long	Hết tuyến (giáp xã Long Tân)	300
24	Đường Xẻo Cạy	1	Giáp đường 1 tháng 5	Giáp đường 30/4 (Cầu Dừa)	200
25	Kênh 90	1	Giáp đường Nguyễn Trung Trực	Ranh xã Phường 3	200
26	Lộ mới Khóm 2	1	Từ cầu chùa Ông Bồn	Bờ kè chợ nổi	300

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
II					
Phường 2					
1	Khu vực Trung tâm Phường	ĐB	Cổng Lý Thanh	Đường vào khu hành chính mới	3.100
2	Ấp Tân Lập B	1	Đầu ranh đất bà Hoàng	Hết ranh đất Trường Tiểu học Phường 2	2.200
3	Kênh Mỹ Phước	1	Đường vào khu hành chính mới	Hết đất cây xăng ông Dũng	2.000
		2	Giáp đất cây xăng ông Dũng	Kênh 8/3	700
		3	Kênh 8/3	Kênh Mỹ Lợi	350
		4	Kênh Mỹ Lợi	Cầu kênh Bình Hưng	300
		5	Cầu kênh Bình Hưng	Giáp gianh xã Tân Long	200
4	Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp	1	Giáp cổng Lý Thanh	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Từ	450
		2	Hết ranh đất Cây xăng Trường Thịnh đến đầu voi	Hết ranh đất nhà máy Tư Mễnh	400
5	Đường khu hành chính mới	1	Giáp ranh đất ông Sừng	Giáp đường Quản lộ - Phụng Hiệp	800
6	Khóm 1 (Ấp Tân Lập B)	1	Hết đất ông Tăng Văn Tuấn đến đầu voi	Hết ranh đất nhà ông Cà Hom	400
7	Khóm Tân Thành A	1	Hết ranh đất Trại cửa Phú Cường đến đầu voi	Đến mỏ cầu treo	400
8	Quản lộ Phụng Hiệp	3	Giáp Huyện Mỹ Tú	Giáp kinh xáng Mỹ Phước	200
		1	Kinh Xáng Mỹ Phước	Hết ranh đất Trường THCS	380
		2	Giáp ranh đất Trường THCS	Giáp Phường 1	300
9	Quốc lộ 61B	1	Giáp ranh Cầu Dừa	Cầu Trà Ban	400
10	Đường UBND Phường	1	Hết ranh đất UBND Phường	Đường vào Trường học cũ	600
III					
Phường 3					
1	Đường nhựa ven kênh xáng Phụng Hiệp	2	Hết ranh đất Trường THCS Phường 3 (Bao gồm đất QH xây dựng chợ Vĩnh Biên)	Giáp ranh đất ông Tám Thầy	1.000
		1	Khu vực đất quy hoạch chợ Vĩnh Biên (Nay phường 3)		1.200
		2	Cầu Cổng Đá	Giáp ranh đất Lộ rẽ Tám Tuấn đầu nổi QLPH	1.000
		3	Đầu ranh lộ rẽ Tám Tuấn đầu nổi QLPH	Giáp ranh đất ông Tám Thầy	650
		4	Giáp ranh đất Trường THCS Phường 3	Giáp ranh tỉnh Bạc Liêu	400

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất
			Từ	Đến	
2	Quản lộ Phụng Hiệp	2	Cầu Cống Đá	Cống Tám Xưa	500
		3	Cống Tám Xưa	Cống Hai Cường	450
		1	Cống Hai Cường	Cầu Nàng Rền	600
		4	Cầu Nàng Rền	Giáp tỉnh Bạc Liêu	400
3	Đường ô tô về Mỹ Bình - Mỹ Quới	1	Giáp đường nhựa ven kênh xáng Phụng Hiệp	Giáp ranh xã Mỹ Bình	200
IV	Xã Mỹ Quới				
1	Khu vực Trung tâm xã	ĐB	Hết ranh đất Hai Di	Hết ranh đất ông Trần Văn Lắm	2.500
2	Ấp Mỹ Thành	KV1-VT1	Giáp ranh đất ông Trần Văn Lắm	Cầu Mới	1.000
		KV1-VT3	Cầu Mới	Hết ranh đất Sáu Phi	600
		KV2-VT2	Giáp ranh đất Sáu Phi	Giáp ranh xã Mỹ Bình	300
		KV2-VT1	Giáp đất bà Hai Di	Giáp ranh xã Mỹ Bình	400
		KV1-VT2	Cầu Tỉnh lộ 937B (hương lộ 17) đến UBND xã	Hết ranh đất Nhà máy ông Chúng	750
3	Ấp Mỹ Thọ	KV2-VT1	Giáp Nhà máy ông Chúng	Hết ranh đất Sáu Quyền	400
		KV2-VT1	Giáp ranh đất Sáu Quyền	Hết ranh đất ông Tư Thiện	400
4	Hương lộ 17 (Tỉnh lộ 937 B)	KV1-VT1	Cầu chợ Mỹ Quới	Hết ranh đất Trường THPT Lê Văn Tám	1.000
		KV1-VT2	Giáp Trường THPT Lê Văn Tám	Cầu Số 1 (Cầu Bưng Sen)	500
		KV1-VT3	Cầu số 1 (Cầu Bưng Sen)	Giáp ranh xã Mỹ Bình	400
5	Ấp Mỹ Tây A - Mỹ Tường B	KV1-VT1	Cầu mới	Hết ranh Đình Nguyễn Trung Trực	900
6	Ấp Mỹ Tường B	KV1-VT2	Giáp Đình Nguyễn Trung Trực	Hết ranh đất Tư Đồi	500
		KV1-VT3	Giáp ranh đất Tư Đồi	Cầu ông Xi	400
7	Ấp Mỹ Thọ	KV1-VT2	Đầu ranh đất Năm Châu đến đầu voi	Hết ranh đất Châu Thị Mỹ	500
8	Ấp Mỹ Tây A	KV1-VT2	Cầu Mới	Hết ranh đất ông Dương Huỳnh Long	500
9	Đường Mỹ Quới - Rộc Lá	KV1-VT1	Từ giáp khu vực xây dựng chợ Nhà ông Đạt Em)	Cầu mới	1.000
		KV1-VT2	Cầu mới	Hết ranh đất ông Hà Tân Liêm	200
		KV1-VT3	Giáp ranh đất ông Hà Tân Liêm	Cầu Mỹ Hưng	150
10	Lộ B Mỹ Thành (Kênh Thầy Cai Nhâm)	KV2-VT1	Kênh Mương lộ	Giáp ranh xã Mỹ Bình	250